KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2022-00082011
Mã số kết quả : AR-22-VD-089743-01 / EUVNHC-00176526

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn
Số 2A1, Đường Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :	N1
Tên mẫu :	Nước sạch vòi lấy mẫu nước sạch phòng hóa nghiệm lầu 1
Tình trạng mẫu :	Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu :	05/07/2022
Thời gian thử nghiệm :	05/07/2022 - 15/07/2022
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	15/07/2022
Mã số PO của khách hàng :	M73P220705003-MT
Mã số mẫu Eol :	005-32410-83486

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD1NC VD (a) *Coliform*	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	<3
2	VD1NE VD (a) *E.Coli*	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	<1
3	VD144 VD (a) Độ màu	TCU	SMEWW 2120C:2017	Không phát hiện (LOD=4)	15
4	VD629 VD Mùi vị		EHC-TP2-199	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
5	VD307 VD (a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.19	1
6	VD239 VD (a) pH		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	7.70	6.0-8.5
7	VD840 VD (a) Clo dư	mg/ l	SMEWW 4500 Cl B:2017	0.49	04-0.6
8	VD237 VD (a) Chỉ số permanganat	mg O2/ l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
9	VD05L VD (a) Clorua (Cl^-)	mg/ l	US EPA Method 300.1 mod	23.2	250
10	VD169 VD (a) Độ cứng	mg CaCO3/ l	SMEWW 2340C:2017	122	300
11	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0,2
12	VD3EQ VD (a) Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/ l	US EPA Method 300.1 mod	1.02	2
13	VD3ES VD Nitrit (NO_2^-) (tính theo N)	mg/ l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
14	VD0CK VD (a) Sulfates (SO_4^{2-})	mg/ l	US EPA Method 300.1 mod	6.50	250
15	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.02
16	VD911 VD (a) Arsen (As)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0,01
17	VD1R0 VD (a) Amoni (tính theo N)	mg/ l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
18	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0,003

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
19	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0,01
20	VD843 VD (a) Crôm (Cr)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0,05
21	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
22	VD155 VD (a) Cyanua (CN^-)	mg/ l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0,07
23	VD05N VD (a) Florua (F^-)	mg/ l	US EPA Method 300.1 mod	0.46	0.4-0.6
24	VDV32 VD (a) Sunfua(S^{2-})	mg/ l	SMEWW 4500 S2- I:2017 & EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
25	VD299 VD (a) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/ l	SMEWW 2540C:2017	90.0	1000
26	VD904 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0,001
27	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0,02
28	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0,01
29	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	4.44	200
30	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	3
31	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/ l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0,2
32	VD1RH VD Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/ l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
33	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0,005
34	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.01)	0,7
35	VD851 VD (a) Bo	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.006)	0,3
36	VDV25 VD Cacbontetraclorua	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
37	VDV25 VD 1,2 - Dicloroetan	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50
38	VD560 VD Benzen	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
39	VDV27 VD DDT	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
40	VDV66 VD 2,4-D	µg/ l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
42	VDV66 VD 2,4-DB	µg/ l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
43	VDABQ EXT Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/ l	TCVN8879:2011	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.1
44	VDBBQ EXT Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/ l	TCVN8879:2011	Không phát hiện (LOD=0.03)	1.0
45	VDV25 VD 1,2 Dicloroeten	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50
46	VDV25 VD Diclorometan	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
47	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
48	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.3
49	VDV25 VD Tricloroeten	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
50	VDV25 VD Tetracloroeten	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
51	VDV25 VD Toluen	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
52	VDV25 VD Xylen	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
53	VDV25 VD Etylbenzen	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
54	VDV25 VD Styren	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
55	VD560 VD Monoclorobenzene	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300
56	VDV25 VD 1,2 - Diclorobenzen	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
57	VDV25 VD Triclorobenzen	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
58	VD730 VD Acrylamide	µg/ l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
59	VDV25 VD Epiclohydrin	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
60	VDV25 VD Hexacloro butadien	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
61	VDV27 VD Alachlor	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
62	VDV31 VD Aldicarb	µg/ l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	10
63	VDV27 VD Atrazine	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
64	VDV27 VD Clorotoluron	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
65	VDV31 VD Chlorpyrifos	µg/ l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	30
66	VDV31 VD Cyanazine	µg/ l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.2)	0.6
67	VDV31 VD Hydroxyatrazine	µg/ l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	200
68	VDV27 VD Clodane	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
69	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
70	VDV25 VD 1,2 - Dicloropropan	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
71	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/ l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
72	VDV27 VD Isoproturon	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
73	VDV66 VD MCPA	µg/ l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
74	VDV27 VD Molinate	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
75	VDV27 VD Pendimetalin	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
76	VDV27 VD Permethrin	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
77	VDV27 VD Propanil	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
78	VDV27 VD Simazine	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
79	VDV27 VD Trifluralin	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
80	VDV27 VD Dichloprop	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
81	VDV27 VD Fenoprop	µg/ l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
82	VDV66 VD Mecoprop	µg/ l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
83	VDV31 VD Carbofuran	µg/ l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	5
84	VD4W0 VD Monocloramine	mg/ l	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=0.002)	3.0
85	VD05F VD (a) Bromat	µg/ l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=5)	25
86	VD1RG VD 2,4,6 - Triclorophenol	µg/ l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
87	VD0EN VD Formaldehyt	µg/ l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
88	VDV25 VD **Bromofoc**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=10)**	100
89	VDV25 VD **Dibromoclorometan**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=5)**	100
90	VDV25 VD **Bromodiclorometan**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=10)**	60
91	VDV25 VD **Cloroform**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=30)**	300
92	VDV29 VD **Dichloroacetic acid**	µg/ l	US EPA 552.2 mod	**Không phát hiện (LOD=5)**	50
93	VD1Q9 VD **Cloral hydrat (tricloroaxetaldehyt)**	µg/ l	US EPA 524.2 mod	**Không phát hiện (LOD=2)**	200
94	VD728 VD **Dicloroaxetonitril**	µg/ l	US EPA 551.1 mod	**Không phát hiện (LOD=10)**	90
95	VD728 VD **Dibromoaxetonitril**	µg/ l	US EPA 551.1 mod	**Không phát hiện (LOD=10)**	100
96	VD728 VD **Tricloroaxetonitril**	µg/ l	US EPA 551.1 mod	**Không phát hiện (LOD=0.1)**	1
97	VDV29 VD **Monochloroacetic acid**	µg/ l	US EPA 552.2 mod	**Không phát hiện (LOD=5)**	20
98	VD1R7 VD (a) ***Staphylococcus aureus***	cfu/ 100 ml	SMEWW 9213B:2017	**Không phát hiện (LOD=1)**	<1
99	VDV30 VD (a) ***Pseudomonas aeruginosa***	cfu/ 100 ml	ISO 16266:2006	**Không phát hiện (LOD=1)**	<1

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H * CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 18/07/2022

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2022-00085508
Mã số kết quả : AR-22-VD-091044-01 / EUVNHC-00177396

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn
Số 2A1, Đường Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :	N1
Tên mẫu :	Nước sạch tại vòi lấy mẫu nước phòng hóa nghiệm lầu 1
Tình trạng mẫu :	Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu :	12/07/2022
Thời gian thử nghiệm :	12/07/2022 - 18/07/2022
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	18/07/2022
Mã số PO của khách hàng :	M73P220712015-MT
Mã số mẫu EoI :	005-32410-85757

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD1NE VD (a) *E.Coli*	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	**Không phát hiện (LOD=1)**	<1
2	VD1NC VD (a) *Coliform*	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	**Không phát hiện (LOD=1)**	<3
3	VD840 VD (a) **Clo dư**	mg/ l	SMEWW 4500 Cl B:2017	**0.57**	0.4-0.6
4	VD874 VD (a) **Sắt (Fe)**	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	**Không phát hiện (LOD=0.02)**	0.2
5	VD144 VD (a) **Độ màu**	TCU	SMEWW 2120C:2017	**Không phát hiện (LOD=4)**	15
6	VD239 VD (a) **pH**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**7.70**	7.5-8.5
7	VD05N VD (a) **Florua (F^-)**	mg/ l	US EPA Method 300.1 mod	**0.46**	1.5
8	VD169 VD (a) **Độ cứng**	mg CaCO3/ l	SMEWW 2340C:2017	**66.0**	300
9	VD307 VD (a) **Độ đục**	NTU	SMEWW 2130B:2017	**0.13**	1
10	VD629 VD **Mùi vị**		EHC-TP2-199	**Không có mùi vị lạ**	Không có mùi vị lạ

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 18/07/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2022-00089860
Mã số kết quả : AR-22-VD-096639-01 / EUVNHC-00178430

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn
Số 2A1, Đường Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :	N1
Tên mẫu :	Nước sạch tại vòi lấy mẫu nước sạch phòng hóa nghiệm lầu 1
Tình trạng mẫu :	Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu :	19/07/2022
Thời gian thử nghiệm :	19/07/2022 - 28/07/2022
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	28/07/2022
Mã số PO của khách hàng :	M73P220719027-MT
Mã số mẫu Eol :	005-32410-88501

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD1NE VD (a) *E.Coli*	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	**Không phát hiện (LOD=1)**	<1
2	VD1NC VD (a) *Coliform*	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	**Không phát hiện (LOD=1)**	<3
3	VD840 VD (a) **Clo dư**	mg/ l	SMEWW 4500 Cl B:2017	**0.60**	0.4-0.6
4	VD874 VD (a) **Sắt (Fe)**	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	**Không phát hiện (LOD=0.02)**	0.2
5	VD144 VD (a) **Độ màu**	TCU	SMEWW 2120C:2017	**Không phát hiện (LOD=4)**	15
6	VD239 VD (a) **pH**		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**7.50**	7.5-8.5
7	VD05L VD (a) **Clorua (Cl^-)**	mg/ l	US EPA Method 300.1 mod	**25.7**	250
8	VD05N VD (a) **Florua (F^-)**	mg/ l	US EPA Method 300.1 mod	**0.57**	1.5
9	VD169 VD (a) **Độ cứng**	mg CaCO3/ l	SMEWW 2340C:2017	**62.0**	300
10	VD307 VD (a) **Độ đục**	NTU	SMEWW 2130B:2017	**0.16**	1
11	VD629 VD **Mùi vị**		EHC-TP2-199	**Không có mùi vị lạ**	Không có mùi vị lạ

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

CÔNG TY TNHH EUROFINS SÁC KÝ HẢI ĐĂNG
M.S.D.N: 0311526885-C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 01/08/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2022-00093750
Mã số kết quả : AR-22-VD-099836-01 / EUVNHC-00179329

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn
Số 2A1, Đường Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :	N1
Tên mẫu :	Nước sạch tại vòi lấy mẫu nước phòng hóa nghiệm lầu 1
Tình trạng mẫu :	Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng , mẫu hóa lý đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu :	26/07/2022
Thời gian thử nghiệm :	26/07/2022 - 03/08/2022
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	02/08/2022
Mã số PO của khách hàng :	M73P220726038-MT
Mã số mẫu EoI :	005-32410-90856

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD1NE VD (a) *E.Coli*	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	**Không phát hiện (LOD=1)**	<1
2	VD1NC VD (a) *Coliform*	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	**Không phát hiện (LOD=1)**	<3
3	VD840 VD (a) **Clo dư**	mg/ l	SMEWW 4500 Cl B:2017	**0.55**	0.4-0.6
4	VD874 VD (a) **Sắt (Fe)**	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	**Không phát hiện (LOD=0.02)**	0.2
5	VD144 VD (a) **Độ màu**	TCU	SMEWW 2120C:2017	**Không phát hiện (LOD=4)**	15
6	VD239 VD (a) **pH**	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	**7.60**	7.5-8.5
7	VD05L VD (a) **Clorua (Cl^-)**	mg/ l	US EPA Method 300.1 mod	**22.3**	250
8	VD05N VD (a) **Florua (F^-)**	mg/ l	US EPA Method 300.1 mod	**0.50**	0.4-0.6
9	VD169 VD (a) **Độ cứng**	mg CaCO3/ l	SMEWW 2340C:2017	**53.0**	300
10	VD307 VD (a) **Độ đục**	NTU	SMEWW 2130B:2017	**0.17**	1
11	VD629 VD **Mùi vị**	-	EHC-TP2-199	**Không có mùi vị lạ**	Không có mùi vị lạ

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG
M.S.D.N: 0311526885 - C.T.T.N.H.H. - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 03/08/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.